

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Danh.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Võ Tường L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh Lý Quốc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

*(Chị L, anh T đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Võ Tường L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 14-7-2014. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, cuộc sống giữa anh, chị không còn hạnh phúc, từ đó chị L về nhà cha mẹ tại ấp Phước Yên B, xã Phú

Quối, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay. Chị L nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh T không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Thời gian chung sống chị L, anh T có 01 (một) con chung tên Lý Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08-5-2015. Cháu Tr hiện đang sống cùng với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*- Tại văn bản tường trình ý kiến ngày 31 tháng 8 năm 2021, bị đơn anh Lý Quốc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, chị L dẫn theo con về nhà cha mẹ ở tỉnh Vĩnh Long sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Anh T và chị L không còn tình cảm, không hàn gắn được nữa nên anh T đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Thời gian chung sống thì anh T và chị L có 01 (một) con chung tên Lý Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08-5-2015. Cháu Tr đang sống cùng với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cho chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì anh T đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T thống nhất với chị L là không có, không yêu cầu giải quyết.

*- Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 9 năm 2021, mâu thuẫn gia đình giữa chị L, anh T:*

Chị L, anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh, chị không sinh sống tại địa phương nên không biết được mâu thuẫn gia đình giữa anh, chị. Tuy nhiên, theo thông tin địa phương biết được thì anh T, chị L không còn chung sống với nhau đã lâu, mỗi người có cuộc sống riêng.

*- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể: Chị L được ly hôn với anh T; Giao con chung tên Lý Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08-5-2015 cho chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Võ Tường L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Lý Quốc T. Anh T cư trú tại Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L, anh T đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L, anh T đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 101/2014, quyển số: 01/2014 ngày 14-7-2014. Tại thời điểm kết hôn thì chị L, anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn thì chị L, anh T chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L dẫn theo con về sinh sống cùng cha mẹ tại tỉnh Vĩnh Long, từ đó anh, chị không còn chung sống, cũng không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã triệu tập chị L, anh T tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên không hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Theo Trích lục khai sinh số: 94/TLKS-BS ngày 22-4-2016 của Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì chị L, anh T có con chung tên Lý Ngọc Huyền Tr (giới tính: Nữ), sinh ngày 08-5-2015. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh T thống nhất với yêu cầu này của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì*

*phải xem xét nguyện vọng của con*”. Chị L và anh T đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thống nhất này là do các bên tự nguyện, đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định viện dẫn thì anh T là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với chị L. Đồng thời, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định viện dẫn thì anh T là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh T thống nhất là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Như đã nhận định thì ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Võ Tường L được ly hôn với anh Lý Quốc T.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Lý Ngọc Huyền Tr (giới tính: Nữ), sinh ngày 08-5-2015 cho chị Nguyễn Võ Tường L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lý Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Võ Tường L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**4.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Võ Tường L và anh Lý Quốc T thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**5.** Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Võ Tường L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0008564 ngày 01-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Võ Tường L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**6.** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã An Ninh, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thành Đạt**